

495.9225

ĐA-L

2010

PGS. TS. ĐÀO THANH LAN

MỤC LỤC

NGỮ PHÁP – NGỮ NGHĨA CỦA LỜI CẦU KHIẾN TIẾNG VIỆT

Chương I: Các khái niệm cơ bản

1.1. Ngữ pháp - ngữ nghĩa của lời

1.2. Định nghĩa

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Phân loại

1.2.3. Phương thức và phương tiện biểu hiện

1.3. Hành động ngôn ngữ và hành động cầu khiến

1.3.1. Các hành động ngôn ngữ và hành động cầu khiến

1.3.2. Hành động cầu khiến và ý

1.3.3. Diễn biến và cơ chế hành động

1.3.4. Hành động cầu khiến ngôn ngữ

Hành động cầu khiến

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

V-D21 326

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2010

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	11
<i>Mở đầu</i>	13
1. Định hướng của chuyên khảo	13
2. Phương pháp nghiên cứu	21
Chương 1: Các khái niệm lí thuyết	23
1.1. Ngữ pháp - ngữ nghĩa của lời	23
1.2. Tình thái	29
1.2.1. Khái niệm	29
1.2.2. Phân loại	30
1.2.3. Phương thức và phương tiện biểu hiện ý nghĩa tình thái	31
1.3. Hành động ngôn từ và hành động cầu khiến	32
1.3.1. Các hành động ngôn từ và hành động ngôn trung	32
1.3.2. Hành động cầu khiến và ý nghĩa cầu khiến	40
1.3.3. Điều kiện để có hành động cầu khiến	43
1.3.4. Hành động hiển ngôn/trực tiếp và hành động hàm ngôn/gián tiếp	44
1.4. Phương tiện và phương thức biểu hiện hành động ngôn từ	48

1.5. Vị thế xã hội và vị thế giao tiếp	52
1.6. Tóm lược	55
Chương 2: Phương thức biểu hiện trực tiếp hành động cầu khiến trong tiếng Việt - lời cầu khiến chính danh	57
2.1. Dẫn nhập	57
2.2. Lời cầu khiến - tiêu chí nhận diện lời cầu khiến	58
2.3. Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến tường minh - lời cầu khiến tường minh	61
2.3.1. Vị từ ngôn hành	61
2.3.2. Vị từ ngôn hành cầu khiến	66
2.3.3. Khảo sát cụ thể về vị từ ngôn hành cầu khiến	68
2.4. Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến nguyên cấp - lời cầu khiến nguyên cấp	80
2.4.1. Đặc điểm cấu trúc lõi sự tình của lời cầu khiến nguyên cấp	80
2.4.2. Nhóm vị từ tình thái " hãy, đừng, chớ" diễn đạt thức cầu khiến	83
2.4.3. Nhóm tiểu từ tình thái cầu khiến có vị trí cuối lời	94
2.4.4. Khả năng kết hợp giữa vị từ tình thái với tiểu từ tình thái cầu khiến trong lời	123
2.4.5. Biểu thức gồm vị từ kèm theo ngữ điệu cầu khiến (ngữ điệu mạnh nhấn vào vị từ): vị từ + ngữ điệu	128
2.5. Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung bán nguyên cấp - lời cầu khiến bán nguyên cấp	130
2.5.1. Khái niệm bán nguyên cấp	130

2.5.2. Nhóm vị từ cầu khiến: nên, cần, phải	131
2.5.3. Các vị từ hành động: để, giúp, hộ, cho	141
2.5.4. Kết cấu: vị từ + vị từ phụ có ý nghĩa cầu khiến: giúp, hộ, cho	147
2.5.5. Biểu thức: D2 + V1 + D + mà + V2	149
2.6. Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung bán tường minh - lời cầu khiến bán tường minh	150
2.6.1. Khái niệm bán tường minh	150
2.6.2. Vị từ cầu khiến bán tường minh: mong, muốn	151
2.6.3. Vị từ cầu khiến bán tường minh: cần	159
2.7. Khả năng kết hợp của phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến tường minh với nguyên cấp	159
2.8. Tóm lược	171
Chương 3: Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung gián tiếp - lời cầu khiến gián tiếp/cầu khiến hàm ngôn	173
3.1. Khái niệm lời cầu khiến gián tiếp	173
3.1.1. Định nghĩa về lời cầu khiến gián tiếp	173
3.1.2. Thao tác nhận diện lời cầu khiến gián tiếp	174
3.2. Miêu tả lời cầu khiến gián tiếp: lời hỏi- cầu khiến	175
3.2.1. Đặc điểm của lời hỏi - cầu khiến	175
3.2.2. Dấu hiệu nhận diện	176
3.2.3. Các kiểu lời hỏi - cầu khiến	179
3.2.4. Các kiểu lời cầu khiến gián tiếp khác	198
3.3. Đặc trưng ngữ dụng của lời cầu khiến gián tiếp	201

3.3.1. Quan hệ giữa mức độ cầu khiến và tính lịch sự trong giao tiếp	201
3.3.2. Quan hệ giữa tính gián tiếp và tính lịch sự	202
3.3.3. Đặc trưng ngữ dụng của lời cầu khiến gián tiếp	202
3.3.4. Phương pháp tăng tính lịch sự cho lời cầu khiến	203
3.4. Tóm lược	205
Chương 4: Những hành động cầu khiến không có vị từ ngôn hành tường minh biểu thị	206
4.1. Dẫn nhập	206
4.2. Hành động dẫn	206
4.3. Hành động rủ	210
4.4. Hành động nài	214
4.5. Tóm lược	223
Kết luận	224
Danh mục sách báo làm tư liệu được ghi tắt	228
Danh mục tài liệu tham khảo	231